

Số: 8637/BC-TTCH

Đồng Nai, ngày 14 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO NHANH
Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
Đến 22h00 ngày 13/10/2021

I. Tình hình dịch bệnh

1. Số ca mắc:

		Trong ngày	Tăng/giảm	Lũy kế
Số ca mắc		648	Tăng (33,9%)	57.157
Đang điều trị (14.142)	<i>Tầng 3</i>	14	Tăng (27,3%)	131
	<i>Tầng 2</i>	376	Tăng (57,3%)	4.850
	<i>Tầng 1</i>	362	Tăng (79,2%)	4.652
	<i>Khác</i>			4.509
Khỏi bệnh*		726	Giảm (6,2%)	42.503
Tử vong*		05	-	512

*Số khỏi bệnh, tử vong báo cáo theo danh sách cấp giấy ra viện và bệnh án tử vong trong ngày.

2. Tình hình xét nghiệm:

	Trong ngày	Tăng/giảm	Lũy kế
Số xét nghiệm thực hiện	14.337	Giảm (15,3%)	3.288.043
Dương tính	1.558 (648 ca mới, 910 theo dõi điều trị)	Tăng 30,4%)	135.271
Âm tính	12.599	Giảm (19,0%)	3.130.796

- 06 cơ sở xét nghiệm khẳng định trên địa bàn tỉnh: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, BVĐK Đồng Nai, BVĐK Thống Nhất, BV Quốc tế Đồng Nai, BVĐKKV Long Khánh, PKĐK An Phúc Sài Gòn.

- 04 phòng xét nghiệm được phép thực hiện xét nghiệm sàng lọc vi rút SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR: BV Nhi đồng Đồng Nai, PKĐK Quốc tế Stry Mỹ, PKĐK Dân Y Biên Hòa, PKĐK Ái Nghĩa Nhơn Trạch..

3. Tình hình cách ly, theo dõi sức khỏe:

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
Cách ly tập trung	337	35.634	28.379	35.634
Cách ly tại nhà	359	18.017	57.050	75.067
Theo dõi sức khỏe	446	9.137	21.981	31.118

Trong ngày: 299 F1 (cộng dồn 24.070), 12 F2 (cộng dồn 32.727)

4. Tình hình lao động nước ngoài nhập cảnh cách ly trên địa bàn tỉnh:

- Cộng dồn: 1.729 trường hợp
- Đang thực hiện cách ly: 37 trường hợp
- Đã hoàn thành cách ly: 1.692 trường hợp

Trong đó: ghi nhận 03 trường hợp dương tính với SARS-CoV-2 (quốc tịch Ấn Độ) được cách ly ngay sau khi nhập cảnh; 34 trường hợp nhập cảnh trái phép (quốc tịch Trung Quốc).

5. Tình hình phòng, chống dịch tại các doanh nghiệp trong KCN

- Ca F0 trong ngày: 00 ca, lũy kế 2.327 ca F0/137.357 tổng số LĐ Doanh nghiệp thực hiện 3T.
- DN có F0 trong ngày: 00 DN; Lũy kế DN 3T có F0: 86/1.190 tổng số DN thực hiện 3T. Chi tiết Doanh nghiệp có ca nhiễm như sau:
- Điều trị khỏi: 1.734/2.327 ca F0 của doanh nghiệp thực hiện 3T, chiếm 74,52%
- Đang điều trị: 594 ca, chiếm 25,53%.

II. Các hoạt động đã triển khai thực hiện

1. Thu dung, điều trị:

- Trong ngày, 726 bệnh nhân được xác nhận điều trị khỏi, xuất viện, bàn giao về địa phương tiếp tục theo dõi sức khỏe theo quy định; 05 ca bệnh tử vong do COVID-19.

- 103 ca là phụ nữ đang mang thai, 2485 ca dưới 18 tuổi, 401 ca trên 65 tuổi và có bệnh lý nền.

- 33 ca bệnh diễn tiến nguy kịch (suy hô hấp cấp tiến triển (ARDS), suy đa tạng, sốc nhiễm trùng,...);

+ 31 ca thở máy xâm lấn

+ 02 ECMO

- 295 ca bệnh có diễn tiến nặng (viêm phổi nặng);

- 2.599 ca có triệu chứng nhẹ-trung bình, 6.825 ca không triệu chứng.

c) Phân tầng điều trị

- Số giường cách ly theo dõi F0 không triệu chứng do các huyện/TP quản lý (Tầng 1): 14.690 giường (trông 7.029 giường).

- Số giường Bệnh viện dã chiến (Tầng 2): 8.964 giường (trông 4.114 giường)

- Số giường Hồi sức tích cực (Tầng 3): 410 giường (trống 262 giường)
(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

2. Hoạt động cách ly theo dõi, giám sát đối tượng:

- 648 ca bệnh mới ghi nhận trên địa bàn tỉnh có 02 ca sàng lọc trong cộng đồng, 113 ca trong khu phong tỏa và 533 ca trong khu cách ly. Trong đó:

+ 02 ca trong cộng đồng tại Biên Hòa (01), Long Khánh (01). Cụ thể:

- 01 ca ngụ tại khu phố 7A, phường Long Bình, Biên Hòa. Nhà không ở gần khu phong tỏa. Mỗi tuần đi siêu thị Coopmart 1 lần ngoài ra không đi đâu. Gia đình có người nhà làm ở siêu thị BigC Đồng Nai đi về hàng ngày. Chưa rõ nguồn lây.
- 01 ca ngụ tại khu phố Cẩm Tân, phường Xuân Tân, Long Khánh. Làm nghề buôn bán thịt heo. Đang điều ta dịch tế.

+ 113 ca trong khu phong tỏa: Ghi nhận nhiều nhất tại phường Tân Hòa (31), Bửu Long (09) – Biên Hòa; Sông Trầu (25), TT Trảng Bom (16), Bắc Sơn (14) – Trảng Bom. Trong đó 21 ca ghi nhận tại khu nhà trọ phường Tân Hòa (Biên Hòa)

- Hiện còn 13 trường hợp test nhanh đang chờ kết quả khẳng định bằng phương pháp Realtime RT-PCR tại Trảng Bom, 179 mẫu nghi ngờ, gộp dương chờ kết quả khẳng định.

- Điều tra, truy vết và chuyển cách ly tập trung các đối tượng nguy cơ, trong đó: Nhơn Trạch 149, Biên Hòa 126 (37 trường hợp test nhanh dương tính), Tân Phú 48, Cẩm Mỹ 08, Định Quán 04, Trảng Bom 02 (01 trường hợp test nhanh dương tính);

3. Hoạt động kiểm dịch y tế:

- Kiểm dịch cảng trong ngày: 03 tàu, 58 người

- Cộng dồn: 1.171 tàu, 21.871 người

(Đã ghi nhận: 03 trường hợp thuyền viên quốc tịch Philippin dương tính)

4. Hoạt động tiêm chủng vắc xin ngừa COVID-19:

Đã xây dựng kế hoạch và triển khai 14 đợt tiêm chủng, hiện đang thực hiện tiêm Đợt 10, 12, 13, 14

- **Tổng số tiêm trong ngày: 59.385 liều.**

Trong đó: Mũi 1: 13.057 người; Mũi 2: 46.326 người.

- Số liều vắc xin còn lại: 493.481 liều.

Đến hiện tại, trên địa bàn tỉnh đã thực hiện tiêm **3.086.360 liều** vắc xin COVID-19 cho **2.407.121 người** (chiếm tỉ lệ **106,79%** đối tượng trên 18 tuổi toàn tỉnh), trong đó có **679.239 người** đã tiêm đủ liều (chiếm tỉ lệ **30,13%**).

5. Các hoạt động khác:

- Duy trì hệ thống giám sát bệnh truyền nhiễm trên địa bàn tỉnh;

- UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 08/10/2021 về việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 và từng bước phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch số 11805/KH-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2021 về việc Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19;

- Ngành công an chủ trì, phối hợp ngành y tế và các ban ngành liên quan thực hiện Kế hoạch số 5990/PA-UBND ngày 01/6/2021 và Quyết định số 1861/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 về việc triển khai lực lượng kiểm soát, phòng, chống dịch bệnh COVID-19 từ các tỉnh, thành phố khác đến địa bàn tỉnh Đồng Nai, bao gồm: 10 chốt kiểm soát cấp tỉnh (bao gồm 08 chốt đường bộ và 02 chốt đường thủy) và 12 chốt kiểm soát cấp huyện, Thực hiện khai báo y tế, kiểm tra thân nhiệt và đeo khẩu trang đối với 100% người và phương tiện, Đồng thời triển khai thực hiện Công văn số 1294/CAT-PA03 ngày 01/5/2021 về việc tăng cường kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm quy định phòng chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh;

III. Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

1. Nhận định tình hình dịch bệnh

- Trong ngày ghi nhận 02 ca trong cộng đồng rải rác tại Biên Hòa (01), Long Khánh (01).

- 113 ca trong khu phong tỏa: Ghi nhận nhiều nhất tại phường Tân Hòa (31), Bửu Long (09) – Biên Hòa; Sông Trầu (25), TT Trảng Bom (16), Bắc Sơn (14) – Trảng Bom. Trong đó 21 ca ghi nhận tại khu nhà trọ phường Tân Hòa (Biên Hòa).

- Tỷ lệ bao phủ mũi 1 vắc xin cho người trưởng thành trên địa bàn tỉnh đạt 106,79%, mũi 2 là 30,13%. (Tỷ lệ trên 100% do bao gồm các trường hợp ngoại tỉnh hiện đang sinh sống, làm việc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được tiêm vắc xin tại tỉnh)

IV. Kiến nghị

- Thực hiện Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 08/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 và từng bước phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Các sở, ngành, địa phương tăng cường triển khai thực hiện Kế hoạch số 11805/KH-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2021 về việc Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng nhằm sớm nhất đạt mục tiêu 100% người dân toàn tỉnh được tiêm đủ liều vắc xin phòng COVID-19.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lây nhiễm chéo tại các khu cách ly tập trung, bệnh viện.

- Theo dõi sức khỏe tại địa phương đối với các trường hợp có lịch sử di chuyển đi khám, chữa bệnh tại các bệnh viện về.

Trên đây là báo cáo nhanh công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

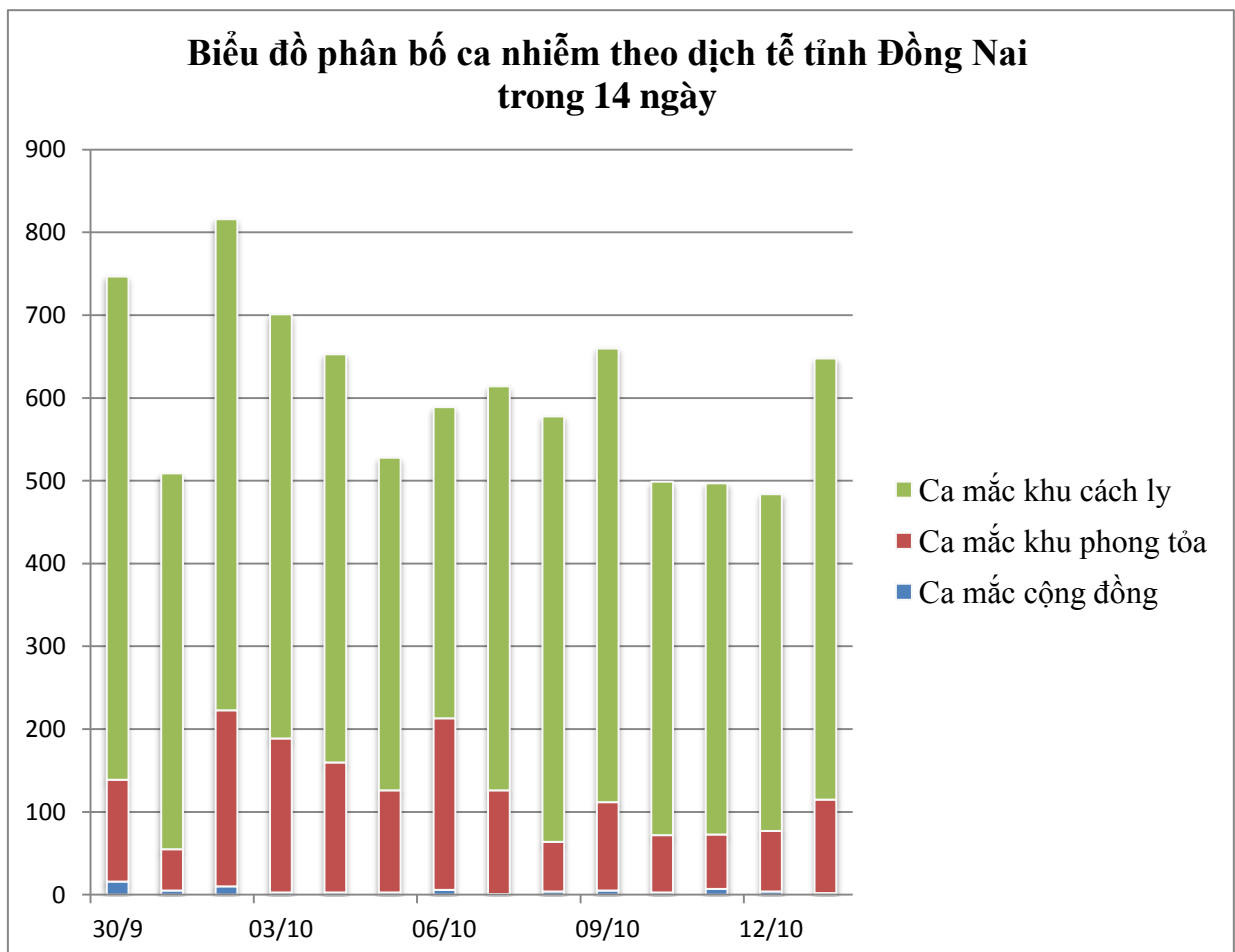
- Bộ Y tế;
- TU, UBND Tỉnh;
- BCĐ tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

**KT. CHỈ HUY TRƯỞNG
PHÓ CHỈ HUY TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Phan Huy Anh Vũ**

Phụ lục 1: Số ca mắc từ ngày 27/4 đến nay (đợt dịch thứ 4)

STT	Xã/phường	Trong ngày					Lũy kế
		Số ca nhiễm mới	Tăng/giảm	Cộng đồng	CLTT	Khu phong tỏa	
1	Biên Hòa	358	56,3%	1	313	44	24.685
2	Nhon Trạch	169	32,0%	0	169	0	13.912
3	Vĩnh Cửu	17	-48,5%	0	15	2	10.088
4	Trảng Bom	77	20,3%	0	17	60	5.003
5	Long Thành	5	66,7%	0	5	0	1.109
6	Thống Nhất	6	20,0%	0	1	5	578
7	Long Khánh	7	-	1	6	0	365
8	Xuân Lộc	1	0,0%	0	0	1	322
9	Định Quán	3	-50,0%	0	3	0	293
10	Cẩm Mỹ	2	-60,0%	0	2	0	273
11	Tân Phú	3	-70,0%	0	2	1	142
12	Ngoại tỉnh, khác	0	-	0	0	0	355
Tổng cộng		648	33,9%	2	533	113	57.125



Phụ lục 2: Theo dõi ca nhiễm theo vùng nguy cơ trong ngày

STT	Huyện	Trong ngày (ca trong nước)							
		Tổng số Ca Mặc mới trong ngày	Sàng lọc tại cơ sở y tế	Số ca trong Khu Cách Ly	Số ca trong Khu Phong Tỏa	Sàng lọc cộng đồng			Số ca Chưa rõ nguồn lây
						Tổng	Trong đó		
							Cộng Đồng	Khu nhà trọ	
NGUY CƠ RẤT CAO (VÙNG ĐỎ) (06)									
1	Biên Hòa	59	0	27	32	0			
1.1	<i>Tam Hiệp</i>	6		5	1				
1.2	<i>Tân Hòa</i>	53		22	31				
1.3	<i>Thống Nhất</i>	0							
2	Nhơn Trạch	88	0	88	0	0			
2.1	<i>Hiệp Phước</i>	88		88					
3	Tân Phú	0	0	0	0	0	0		
3.1	<i>Phú Lâm</i>	0							
4	Vĩnh Cửu	14	0	12	2	0			
4.1	<i>Thanh Phú</i>	14		12	2				
NGUY CƠ CAO (VÙNG CAM) (17)									
1	Biên Hòa	167	0	165	2	0			
1.1	<i>An Bình</i>	85		84	1				
1.2	<i>Bửu Hòa</i>	2		2					
1.3	<i>Quang Vinh</i>	4		3	1				
1.4	<i>Tam Phước</i>	14		14					
1.5	<i>Tân Biên</i>	5		5					
1.6	<i>Tân Phong</i>	13		13					
1.7	<i>Tân Vạn</i>	3		3					
1.8	<i>Trảng Dài</i>	41		41					
2	Nhơn Trạch	43	0	43	0	0			

2.1	<i>Phước Thiện</i>	43		43					
3	Tân Phú	1	0	1	0	0			
3.1	<i>Phú Thanh</i>	1		1					
4	Trảng Bom	25	0	7	18	0			
4.1	<i>Bắc Sơn</i>	15		1	14				
4.2	<i>Hố Nai 3</i>	10		6	4				
4.3	<i>Sông Trầu</i>	30		5	25				
4.4	<i>Thanh Bình</i>	1		1					
5	Vĩnh Cửu	3	0	3	0	0			
5.1	<i>Thiện Tân</i>	0							
5.2	<i>Vĩnh An</i>	1		1					
5.3	<i>Vĩnh Tân</i>	2		2					
NGUY CƠ (VÙNG VÀNG) (27)									
1	Biên Hòa	99	1	97	1	0			
1.1	<i>Bình Đa</i>	0							
1.2	<i>Hố Nai</i>	22		21	1				
1.3	<i>Hóa An</i>	0							
1.4	<i>Long Bình</i>	41	1	40					
1.5	<i>Long Bình Tân</i>	31		31					
1.6	<i>Phước Tân</i>	3		3					
1.7	<i>Tân Hiệp</i>	0							
1.8	<i>Tân Mai</i>	2		2					
1.9	<i>Trung Dũng</i>	0							
2	Cẩm Mỹ	0	0	0	0	0			
2.1	<i>Sông Ray</i>	0							
2.2	<i>Xuân Đông</i>	2		2					
2.3	<i>Xuân Tây</i>	0							
3	Long Khánh	0	0	0	0	0			
3.1	<i>Suối Tre</i>	0							

	<i>Phú Vinh</i>			1				
	<i>Suối Nho</i>			1				
	<i>Thanh Sơn</i>			1				
4	Long Khánh (14)							
	<i>Bảo Vinh</i>			6				
	<i>Xuân Tân</i>		1					
5	Long Thành (10)							
	<i>Phước Thái</i>			1				
6	Nhơn Trạch (08)							
	<i>Long Thọ</i>			3				
	<i>Phú Đông</i>			1				
	<i>Phú Thạnh</i>			6				
	<i>Vĩnh Thanh</i>			5				
7	Tân Phú (16)							
	<i>Nam Cát Tiên</i>				1			
	<i>TT Tân Phú</i>			1				
8	Thống Nhất (08)							
	<i>Hưng Lộc</i>			1	1			
9	Trảng Bom (10)							
10	Vĩnh Cửu (06)							
11	Xuân Lộc (14)							
	<i>Xuân Bắc</i>				1			

Phụ lục 3: Ca bệnh tử vong do COVID-19 ghi nhận trong ngày

S T T	Họ Tên	Năm sinh		Nơi ghi nhận	Địa chỉ	Ngày tử vong	Nguyên nhân tử vong
		Nam	Nữ				
01	P.T.Y	1938		BVDK TN	Khu phố 6- P Tam Hiệp- Biên Hòa	12-10-21	Tử vong ngoại viện nghi do nhồi máu cơ tim cấp/ Nhiễm SARS-CoV-2/ Tiền căn tăng huyết áp, COPD
02	P.N.V	1970		BVDK TN	Phước Thiên, Nhơn Trạch	12-10-21	viêm phổi nguy kịch do SARS-CoV-2 bội nhiễm, choáng nhiễm trùng, tăng huyết áp
03	P.T.T		1937	BVDK TN	phường Tam Hiệp, Biên Hòa	12-10-21	Viêm phổi nguy kịch do SARS-CoV-2/ Suy đa cơ quan. Suy tim - Tăng huyết áp – Đái tháo đường type 2.
04	K.T	1963		BVDK TN	Áp 4, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch	12-10-21	Viêm phổi mức độ nguy kịch do SARS-CoV-2/ Xuất huyết tiêu hóa trên – Suy thận – Suy tim – Tiền căn Tăng huyết áp – Gout
05	L.T.T		1968	BVDK ĐN	P. Tam Phước, TP Biên Hòa	13-10-21	Ngưng tuần hoàn hô hấp cấp cứu không thành công/viêm phổi ARDS/ Đái tháo đường tuyp 2/thoái hóa hớp/ GERD

Phụ lục 4: Tiến độ tiêm ngừa vắc xin COVID-19 trên địa bàn tỉnh

	Tổng tiêm	Mũi 1	Mũi 2	PU' nhẹ	PU' nặng	Số liều KH	Thực nhận	Tỉ lệ hoàn thành
Đợt 1	20.376	20.376	0	7.407	4	17.450	17.450	116,77%
Đợt 2	35.525	35.271	254	8.152	8	29.980	29.980	118,50%
Đợt 3	24.918	5.793	19.125	1.548	4	21.000	21.000	118,66%
Đợt 4	344.710	298.413	46.297	1.901	8	312.430	312.430	110,33%
Đợt 5	173.050	146.522	26.528	2.188	0	158.100	158.100	109,46%
Đợt 6	279.508	276.952	2.556	9	0	265.210	265.210	105,39%
Đợt 7	681.944	680.648	1.296	6.781	0	687.458	687.458	99,20%
Đợt 8	324.791	306.862	17.929	428	0	297.404	297.404	109,21%
Đợt 9	412.855	10.094	402.761	230	0	422.346	422.346	97,75%
Đợt 10	124.215	22.261	101.954	96	0	170.760	170.760	72,74%
Đợt 11	211.707	211.555	152	526	0	207.340	202.340	102,11%
Đợt 12	394.979	387.523	7.456	230	1	500.000	499.200	79,00%
Đợt 13	29.519	2.392	27.127	0	0	299.450	299.450	9,86%
Đợt 14	23.363	9	23.354	0	0	100.000	100.000	23,36%
Khác	4.900	2.450	2.450	0	0	4.900	4.900	100,00%
Tổng cộng	3.086.360	2.407.121	679.239	29.496	25	3.493.828	3.488.028	88,34%

Phụ lục 5: Tình hình điều trị F0 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

TT	Cơ sở	Giường kế hoạch COVID	Giường thực kê COVID (con số chính xác)	Số CA + mới trong ngày (24h)	Xuất viện trong ngày (24h)	Chuyển viện trong ngày	Tử vong trong ngày (24h)	Số ca đang điều trị	Cộng dồn			Số ca đang điều trị, trong đó						Phụ nữ có thai	BN < 18 tuổi	< 65 tuổi và không có bệnh lý nền	> 65 tuổi và có bệnh lý nền	Khả năng còn tiếp nhận
									Chuyển viện	Tử vong	Xuất viện	HFNC	Thở máy		Thở oxy	Có triệu chứng (ho, sốt, đau họng...)	Không triệu chứng					
													Không xâm lấn (CPAP)	Xâm lấn								
TẦNG 3																						
1	BVĐN/ HSTC	40	40	2	0	0	1	29		158		6		18	5		0	0	0			11
2	BVTN/TTHSTC	400	200	10	5	4	3	70	193	226	61	13	4	15	22			1	3	46	24	130
3	BVĐKKVLK/HSTC	100	40	0	0	0	0	17	56	38	33	3	0	0	14	0	0	0	2	7	3	23
4	BVĐKKVLT	100	100	2	0	0	0	13	70	35	0	1	12	0	0	0	0	0	0	12	1	87
5	BV Nhi ĐN	20	10					0		1												
6	BV Định Quán	60	11	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11
7	BV Đồng Nai 2	10	2	0	0	0	0	2	123	0	316	1	0	0	1	2	0	0	0	1	1	0
Tổng cộng (tầng 3)		730	403	14	5	4	4	131	443	458	410	24	16	33	42	2	0	1	5	66	29	262
TẦNG 2																						
1	Bệnh viện dã chiến số 1	350	285	9	20	0	0	121	24	2	1407	2	0	0	1	53	67	4	24	92	1	164
2	Bệnh viện dã chiến số 2	350	370	63	0	1	0	297	95	0	1380	0	0	0	5	114	70	8	75	156	17	50
3	Bệnh viện dã chiến số 3	550	500	47	32	4	0	486	77	0	2296	0	0	0	21	17	448	14	104	452	106	14
4	Bệnh viện dã chiến số 4	360	345	41	0	0	0	304	67	0	1766	0	0	0	0	37	267	0	98	293	1	41
5	Bệnh viện dã chiến số 5	300	316	34	44	0	0	160	41	0	1222	0	0	0	0	74	86	2	54	155	15	40
6	Bệnh viện dã chiến số 6	1200	1090	7	56	0	0	464	110	0	4923	0	0	0	4	120	340	7	113	416	11	546
7	Bệnh viện dã chiến số 7	730	700	9	42	0	0	647	142	1	3726	0	0	0	12	289	346	10	202	396	39	53
8	Bệnh viện dã chiến số 8	650	635				0	584	43	0	1870	0	0	0	18	169	397	5	143	429	12	51
9	Bệnh viện dã chiến số 9	1000	662	50	29	0	0	493	24	0	2003	0	0	0	4	330	159	4	119	432	2	169
10	Bệnh viện dã chiến số 10	850	807	32	54	3	0	604	77	0	2790	0	0	0	27	260	344	4	172	410	22	203

11	Bệnh viện dã chiến số 11	3000	2590	50	0	0	0	243	11	0	260	0	0	0	4	166	76	3	53	170	7	100
12	Bệnh viện Da liễu	150	150	0	0	0	0	41	23	0	635	0	0	0	1	21	20	0	1	34	0	90
13	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	150	74	4	3	1	0	49	120	4	296	0	0	0	30	35	7	2	1	10	18	25
14	Bệnh viện Nhi đồng	116	60	12	6			66						1	44	21		38	27	1	0	
15	Bệnh viện ĐKKV Long Thành	150	150	0	3	0	0	10	0	0	184	0	0	0	1	9	0	0	2	7	1	140
16	Bệnh viện ĐKKV Định Quán	60	30	0	0	1	0	9	8	0	21	1	0	0	4	10	0	0	0	0	2	21
17	Bệnh viện Phổi	60	11	0	0	0	0	2		5		0	0	0	0	0	2	0	0	0		
18	Bệnh viện Đồng Nai 2	40	95	6	9	1	0	95	123	0	316	1	0	0	3	30	65	3	12	65	15	0
19	Bệnh viện ĐH Y Dược Shing Mark	35	35	9	2	2	0	100	141	0	148	0	0	0	0	20	80	0	0	30	7	0
20	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu	20	65	2	3	0	0	45	27	1	169	0	0	0	0	25	20	0	13	30	2	19
21	Khoa Nhiệt đới BVTN	12	17	1	3	0	0	17	17	0	48	0	0	0	5	17	0	0	1	5	7	0
22	Bệnh viện Tâm thần TW 2	400	200					13			303				2							
Tổng cộng (tầng 2)		10533	9187	376	306	13	0	4850	1170	13	25763	4	0	0	141	1842	2815	66	1225	3609	286	1726

TẦNG 1

1	Biên Hòa	4459	3319	61	486	7	0	1975	921	12	7277	0	0	0	15	445	1663	10	615	1751	57	1519
2	Long Khánh	400	310	6	0	0	0	30	39	0	91	0	0	0	0	10	20	0	4	29	0	280
3	Vĩnh Cửu	3393	3343	21	2	4	0	343	1440	3	6506	0	0	0	0	35	308	2	88	249	6	2765
4	Định Quán	100	89	0	0	4	0	25	46	0	80	0	0	0	0	18	7	1	5	18	0	
5	Tân Phú	60	60	6	5	0	0	31	61	0	9	0	0	0	0	0	31	0	2	27	0	34
6	Trảng Bom	1328	960	213	54	4	0	582	1477	2	3539	0	0	0	0	14	568	5	139	428	4	787
7	Thống Nhất	130	140	1	0	0	0	6	100	0	15	0	0	0	0	0	6	0	2	6	0	140
8	Xuân Lộc																					
9	Cẩm Mỹ	500	200	3	3	0	0	73	7	0	38	0	0	0	0	33	40	2	19	51	0	127
10	Long Thành	250	250	6	7	0	0	90	40	0	855	0	0	0	0	0	90	0	18	71	1	160
11	Nhơn Trạch	3230	3010	45	19	31	0	1497	0	15	3941	0	0	0	20	200	1277	16	363	1116	18	1513
TỔNG CỘNG (Tầng 1)		13850	11681	362	576	50	0	4652	4131	32	22351	0	0	0	35	755	4010	36	1255	3746	86	7029
TỔNG TẦNG (3+2+1)		25113	21271	752	887	67	4	9633	5744	503	48524	28	16	33	218	2599	6825	103	2485	7421	401	9017